TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14/02/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Văn.
2. Ông Nguyễn Văn PH.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 14/02/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1987.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Thôn M, xã Ph, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1989.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, tỉnh Ninh Thuận.

(Anh H có mặt; chị Q có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Ngày 22/3/2017, anh Bùi Văn H đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị Q tại Ủy ban nhân dân xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị Q sinh sống tại nhà bố mẹ anh H tại thôn Cầu Mơ, xã Văn Phong, huyện Nho Quan. Quá trình chung sống vợ chồng anh sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng anh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dậy con và kinh tế gia đình khó khăn. Tháng 11/2018, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Tà Lú 1, xã Đ, huyện A, tỉnh Ninh Thuận sinh sống Từ đó đến nay, anh H, chị Q sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay anh H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị Q.

Về con chung: Anh Bùi Văn H và chị Phạm Thị Q có 02 con chung là các cháu Bùi Việt Đ, sinh ngày 15/11/2017 và cháu Bùi Bảo Th, sinh ngày 27/8/2019. Hiện cả 02 cháu đều đang ở với chị Q. Nếu ly hôn anh nhất trí để chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được cuộc sống.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Bùi Văn H xác định anh và chị Phạm Thị Q không có tài sản chung, công nợ chung nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Q có bản tự khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh H đúng như anh H đã trình bầy. Nay anh H làm đơn xin ly hôn chị Q, chị Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh H ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị Q và anh Bùi Văn H có 02 con chung là các cháu Bùi Việt Đ, sinh ngày 15/11/2017 và cháu Bùi Bảo Th, sinh ngày 27/8/2019. Hiện cả 02 cháu đều đang ở với chị Q. Nếu ly hôn chị Q đề nghị để chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được cuộc sống. Chị Q không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị Q xác định chị và anh Bùi Văn H không có tài sản chung, công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng đầy đủ các bước tố tụng và hành vi tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H.

2. Xử ly hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Phạm Thị Q.

3. Về việc nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Bùi Việt Đ, sinh ngày 15/11/2017 và Bùi Bảo Th, sinh ngày 27/8/2019 đến tuổi trưởng thành và tự lập được cuộc sống. Anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn H khởi kiện ly hôn và giải quyết tranh chấp việc nuôi con với chị Phạm Thị Q anh H, chị Q lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, nơi cư trú của nguyên đơn anh Bùi Văn H giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, chị Phạm Thị Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ngày 22/3/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh H, chị Q sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H, chị Q đều xác định hai người tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai quan tâm gì tới nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình

trạng hôn nhân giữa anh H, chị Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc nuôi con chung: Anh Bùi Văn H, chị Phạm Thị Q có 02 con chung là các cháu Bùi Việt Đ, sinh ngày 15/11/2017 và Bùi Bảo Th, sinh ngày 27/8/2019. Hiện 02 cháu đều đang ở với chị Q. Anh H, chị Q thống nhất để chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung nên giao 02 cháu Bùi Việt Đ và Bùi Bảo Th cho chị Phạm Thị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Q tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Bùi Văn H, chị Phạm Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Anh Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; các điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H.

2. Xử cho ly hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Phạm Thị Q.

3. Về việc nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Bùi Việt Đ, sinh ngày 15/11/2017 và Bùi Bảo Th, sinh ngày 27/8/2019 đến tuổi trưởng thành và tự lập được cuộc sống. Anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

4. Về án phí:

Anh Bùi Văn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003688 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

Án xử công khai sơ thẩm, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Nho Quan;*
- *Chi cục THADS huyện Nho Quan;*
- *UBND xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN